

Số: 71 /TB-UBND

Nam Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025**

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã Nam Hòa về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025;

UBND xã Nam Hòa thông báo niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của xã Nam Hòa như sau:

**1. Tài liệu niêm yết công khai:**

- Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND xã Nam Hòa về việc Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025.

**2. Thời gian niêm yết công khai:** Từ ngày 24/4/2026.

**3. Địa điểm và hình thức công khai:**


- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Nam Hòa;
- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Nam Hòa;

Trên đây là thông báo về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025. UBND xã Nam Hòa thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các tổ chức Đoàn thể;
- Các Trưởng xóm;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

Nguyễn Văn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM HÒA

Số: 621/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa  
năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã Nam Hòa về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Nam Hòa.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai số liệu quyết toán thi, chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2025 (có các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc xã;
- Các phòng thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã Nam Hòa;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang



# CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 62A/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	121.743.393.360	157.674.386.963	35.930.993.603	129,5%
I	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>		1.590.934.459	167.975.125	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		1.590.934.459	1.590.934.459	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	113.404.000.000	155.179.275.302	41.775.275.302	136,8%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	16.369.000.000	16.369.000.000		100,0%
-	Thu TC bổ sung thực hiện cải cách tiền lương				
-	Thu bổ sung có mục tiêu	97.035.000.000	138.810.275.302	41.775.275.302	143,1%
III	<b>Thu từ các khoản cho vay của nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
IV	<b>Thu kết dư</b>	4.858.910.365	368.410.365	-4.490.500.000	7,6%
V	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	3.480.482.995	535.766.837	-2.944.716.158	15,4%
VI	<b>Các khoản huy động, đóng góp</b>				
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	121.743.393.360	149.266.444.588	18.754.009.151	122,6%
I	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	97.527.000.000	116.890.919.893	19.363.919.893	119,9%
1	Chi đầu tư phát triển	5.288.000.000	9.385.479.336	4.097.479.336	177,5%
2	Chi thường xuyên	90.387.000.000	107.505.440.557	17.118.440.557	118,9%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
6	Dự phòng ngân sách	1.852.000.000			
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	15.877.000.000	15.267.089.258	-609.910.742	96,2%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	15.642.000.000	15.267.089.258	-374.910.742	97,6%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	235.000.000			
III	<b>Chi chuyển nguồn năm sau</b>		17.099.479.336		
IV	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		8.956.101		
V	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>	4.858.910.365			
VI	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn</b>	3.480.482.995			
VII	<b>Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp</b>				
C	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>				
D	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>				
H	<b>KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		8.407.942.375		



# CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (I)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	0	0	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
-	Thu thuế, lệ phí, phí, và các khoản thu khác			
-	Thu viện trợ			
-	Các khoản huy động, đóng góp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
-	Thu bổ sung có mục tiêu			
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			
4	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
5	Thu kết dư			
6	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện)			
-	Thu thuế, lệ phí, phí, và các khoản thu khác			
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Thu viện trợ			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>	0	0	
<b>IV</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP</b>			
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP XÃ</b>			
<b>1</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp xã</b>	<b>121.743.393.360</b>	<b>157.674.386.963</b>	<b>129,51%</b>
1	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		1.590.934.459	
-	Thu thuế, lệ phí và các khoản Thu khác			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	<b>113.404.000.000</b>	<b>155.179.275.302</b>	
-	Bổ sung cân đối	16.369.000.000	16.369.000.000	100,00%
-	Bổ sung có mục tiêu	97.035.000.000	138.810.275.302	143,05%
3	Thu kết dư	4.858.910.365	368.410.365	7,58%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.480.482.995	535.766.837	15,39%
5	Các khoản huy động, đóng góp			
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>121.743.393.360</b>	<b>149.266.444.588</b>	<b>122,61%</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	121.743.393.360	132.158.009.151	108,55%
2	Chi chuyển nguồn năm sau		17.099.479.336	
3	Chi nguồn làm lương			
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		8.956.101	
<b>III</b>	<b>Kết dư ngân sách xã</b>		<b>8.407.942.375</b>	



**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC  
NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NS XÃ	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN(A+B+C+D)</b>	<b>45.975.393.360</b>		<b>54.223.094.899</b>	<b>2.495.111.661</b>	<b>117,94%</b>	
A	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>37.636.000.000</b>		<b>53.318.917.697</b>	<b>1.590.934.459</b>	<b>141,67%</b>	
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>37.636.000.000</b>		<b>53.318.917.697</b>	<b>1.590.934.459</b>		
1	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý</b>			<b>90.675.000</b>			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước			<b>90.675.000</b>			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước						
2	<b>Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý</b>			<b>5.238.000</b>			
-	Thuế giá trị gia tăng			2.619.000			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.619.000			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
3	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>						
4	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>27.840.000.000</b>		<b>33.746.446.930</b>		<b>121,22%</b>	
-	Thuế giá trị gia tăng	27.840.000.000		31.325.286.191			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			205.068.899			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			5.955.444			
-	Thuế tài nguyên			2.210.136.396			
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
5	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>1.090.000.000</b>		<b>5.067.359.114</b>		<b>464,90%</b>	
6	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>						
7	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>2.570.000.000</b>		<b>4.906.697.593</b>		<b>190,92%</b>	
8	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>1.435.000.000</b>		<b>936.943.805</b>		<b>65,29%</b>	
9	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>						
10	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>41.000.000</b>		<b>56.240.524</b>		<b>137,17%</b>	
11	<b>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</b>	<b>835.000.000</b>		<b>225.526.807</b>		<b>27,01%</b>	
12	<b>Tiền sử dụng đất</b>	<b>1.470.000.000</b>		<b>6.322.574.250</b>		<b>430,11%</b>	
13	<b>Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước</b>						
14	<b>Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết</b>						
15	<b>Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển</b>	<b>286.000.000</b>		<b>236.828.593</b>		<b>82,81%</b>	
16	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>2.069.000.000</b>		<b>1.724.387.081</b>	<b>1.590.934.459</b>	<b>83,34%</b>	
17	<b>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b>						
18	<b>Thu hồi vốn, thu cổ tức</b>						



# CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b> (không tính chi trả nợ gốc tiền vay)	<b>128.962.515.313</b>	<b>149.266.444.588</b>	<b>115,74%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>103.843.793.291</b>	<b>116.890.919.893</b>	<b>112,56%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>11.906.593.291</b>	<b>9.385.479.336</b>	<b>78,83%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.906.593.291	9.385.479.336	78,83%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.397.057.504	6.344.963.564	85,78%
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.209.535.787	2.077.544.185	64,73%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.300.000.000	962.971.587	74,07%
-	Chi văn hoá thông tin			
-	Chi bảo đảm xã hội			
-	Chi cho ngân hàng chính sách xã hội			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	<i>11.906.593.291</i>	<i>9.385.479.336</i>	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.783.093.291	6.515.085.351	96,05%
-	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	3.350.000.000	1.562.971.587	46,66%
-	Chi từ nguồn vận động tài trợ	500.000.000	499.948.000	99,99%
-	Ngân sách xã	1.273.500.000	807.474.398	63,41%
2	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>90.085.200.000</b>	<b>107.505.440.557</b>	<b>119,34%</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.700.000.000	58.582.411.495	101,53%
2	Chi khoa học và công nghệ	195.000.000	125.000.000	64,10%
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1.852.000.000</b>		<b>0,00%</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>16.779.328.662</b>	<b>15.267.089.258</b>	<b>90,99%</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>16.544.328.662</b>	<b>15.267.089.258</b>	<b>92,28%</b>
1	Chương trình nông thôn mới	11.963.513.000	11.135.399.197	93,08%
	+ Xây dựng cơ bản	11.809.513.000	10.981.399.197	92,99%
	+ Thường xuyên	154.000.000	154.000.000	100,00%
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	776.000.000	576.803.934	74,33%
	+ Xây dựng cơ bản			



STT	NỘI DUNG (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	+Thường xuyên	776.000.000	576.803.934	74,33%
<b>3 *</b>	<b>Chương trình phát triển vùng DTTS</b>	<b>3.804.815.662</b>	<b>3.554.886.127</b>	<b>93,43%</b>
	+ Xây dựng cơ bản	2.763.815.662	2.568.231.899	92,92%
	+Thường xuyên	1.041.000.000	986.654.228	94,78%
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>235.000.000</b>		
1	Xây dựng cơ bản (chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh)			
2	Thường xuyên	235.000.000		
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>		<b>17.099.479.336</b>	
<b>D</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>	<b>4.858.910.365</b>		
<b>E</b>	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn</b>	<b>3.480.482.995</b>		
<b>F</b>	<b>Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp</b>			
<b>G</b>	<b>CHI BỔ SUNG NS CẤP DƯỚI</b>			
<b>H</b>	<b>CHI NỘP NS CẤP TRÊN</b>		<b>8.956.101</b>	



# CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>103.639.293.291</b>	<b>135.707.857.391</b>	<b>18.704.584.764</b>	<b>130,94%</b>
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>				
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC</b>	<b>103.639.293.291</b>	<b>118.608.378.055</b>	<b>18.704.584.764</b>	<b>114,44%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>11.906.593.291</b>	<b>9.385.479.336</b>	<b>-2.521.113.955</b>	<b>78,83%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.906.593.291	9.385.479.336	-2.521.113.955	78.83%
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.397.057.504	6.344.963.564	-1.052.093.940	85.78%
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hoá thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.209.535.787	2.077.544.185	-1.131.991.602	64.73%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.300.000.000	962.971.587	-337.028.413	74.07%
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; Các tổ chức kinh tế; Các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương				
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên theo lĩnh vực</b>	<b>89.880.700.000</b>	<b>109.222.898.719</b>	<b>21.225.698.719</b>	<b>121,52%</b>
-	Chi quốc phòng	1.204.300.000	1.204.195.233	-104.767	99.99%
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.092.000.000	1.090.656.958	-1.343.042	99.88%
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	57.700.000.000	58.582.411.495	882.411.495	101.53%
-	Chi khoa học, công nghệ	195.000.000	125.000.000	-70.000.000	64.10%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	600.500.000	576.283.200	-24.216.800	95.97%
-	Chi văn hoá thông tin	181.700.000	188.698.680	6.998.680	103.85%
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				#DIV/0!
-	Chi thể dục thể thao	123.000.000	37.994.500	-85.005.500	30.89%
-	Chi bảo vệ môi trường		27.000.000	27.000.000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.944.200.000	10.993.611.237	7.049.411.237	278.73%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	19.160.700.000	31.017.775.816	11.857.075.816	161.88%
-	Chi đảm bảo xã hội	3.795.800.000	5.379.271.600	1.583.471.600	141.72%



STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
1	Chi khác	150.000.000			
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	1.733.500.000			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng NSNN	1.852.000.000			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		17.099.479.336		





STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Dự toán tỉnh	Dự toán xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
V	Dự phòng ngân sách	1.852.000.000		1.852.000.000						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>16.779.328.662</b>		<b>16.779.328.662</b>	<b>15.267.089.258</b>		<b>15.267.089.258</b>	<b>90,99%</b>		<b>90,99%</b>
	<i>Trong đó:</i>									
	-Xây dựng cơ bản	14.573.328.662		14.573.328.662	13.549.631.096		13.549.631.096	92,98%		92,98%
	-Thường xuyên	1.971.000.000		1.971.000.000	1.717.458.162		1.717.458.162	87,14%		87,14%
I	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>16.544.328.662</b>		<b>16.544.328.662</b>	<b>15.267.089.258</b>		<b>15.267.089.258</b>	<b>92,28%</b>		<b>92,28%</b>
1	Chương trình giảm nghèo	776.000.000		776.000.000	576.803.934		576.803.934	74,33%		74,33%
	Chi Đầu tư XDCB									
	Chi thường xuyên	776.000.000		776.000.000	576.803.934		576.803.934	74,33%		74,33%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	11.963.513.000		11.963.513.000	11.135.399.197		11.135.399.197	93,08%		93,08%
	Chi Đầu tư XDCB	11.809.513.000		11.809.513.000	10.981.399.197		10.981.399.197	92,99%		92,99%
	Chi thường xuyên	154.000.000		154.000.000	154.000.000		154.000.000	100,00%		100,00%
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng DTTS	3.804.815.662		3.804.815.662	3.554.886.127		3.554.886.127	93,43%		93,43%
	Chi Đầu tư XDCB	2.763.815.662		2.763.815.662	2.568.231.899		2.568.231.899	92,92%		92,92%
	Chi thường xuyên	1.041.000.000		1.041.000.000	986.654.228		986.654.228	94,78%		94,78%
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>235.000.000</b>		<b>235.000.000</b>						
1	Chi Đầu tư XDCB (chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh)									
2	Chi thường xuyên	235.000.000		235.000.000						
C	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>	<b>4.858.910.365</b>		<b>4.858.910.365</b>						
D	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn</b>	<b>3.480.482.995</b>		<b>3.480.482.995</b>						
E	<b>Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp</b>									
F	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN</b>				<b>17.099.479.336</b>		<b>17.099.479.336</b>			
G	<b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				<b>8.956.101</b>		<b>8.956.101</b>			



CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

		Dự toán 2025							Quyết toán 2025										So sánh			
A	B	Tổng công Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyên nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>Tổng công</b>	137.949.520.728	9.967.179.291	111.438.012.775	-	16.544.328.662	14.573.328.662	1.971.000.000	149.266.444.588	9.385.479.336	107.505.440.557	-	15.267.089.258	13.549.631.096	1.717.458.162	17.099.479.336	-	8.956.101	108,20	94,16	96,47	92,28
1	Các cơ quan tổ chức	137.949.520.728	9.967.179.291	111.438.012.775		16.544.328.662	14.573.328.662	1.971.000.000	132.158.009.151	9.385.479.336	107.505.440.557		15.267.089.258	13.549.631.096	1.717.458.162			95,8%	94,16%	96,47%	92,28%	
1	Xã Nam Hòa	137.949.520.728	9.967.179.291	111.438.012.775		16.544.328.662	14.573.328.662	1.971.000.000	152.158.009.151	9.385.479.336	107.505.440.557		15.267.089.258	13.549.631.096	1.717.458.162			95,8%	94,16%	96,47%	92,28%	
	Trường trung học cơ sở Cây Thi(1037319)	4.434.599.345		4.434.599.345					4.366.410.191		4.366.410.191							98,46%		98,46%		
	Trường tiểu học Cây Thi(1038072)	8.292.975.388		8.292.975.388					8.235.563.421		8.235.563.421							99,31%		99,31%		
	Trường tiểu học Số 1 Nam Hòa(1062122)	9.056.986.574		9.056.986.574					9.027.461.414		9.027.461.414							99,67%		99,67%		
	Trường tiểu học số 2 Nam Hòa(1062184)	7.601.847.115		7.601.847.115					7.526.700.511		7.526.700.511							99,01%		99,01%		
	Trường THCS Nam Hòa, huyện Đông Hy(1072432)	10.969.654.942		10.969.654.942					10.905.475.222		10.905.475.222							99,41%		99,41%		
	Trường mầm non các thị huyện Đông Hy(1103190)	5.579.634.000		5.579.634.000					5.574.736.976		5.574.736.976							99,91%		99,91%		
	Trường mầm non Nam Hòa huyện Đông Hy(1113009)	10.869.206.098		10.869.206.098					10.848.706.215		10.848.706.215							99,81%		99,81%		
	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nam Hòa(1152407)	777.630.000		777.630.000					777.625.284		777.625.284							100%		100%		
	Phòng Văn hóa - Xã hội và Nam Hòa(1152665)	9.341.750.000		8.739.750.000		602.000.000		602.000.000	6.940.810.339		6.493.443.059		445.367.280		445.367.280			74,3%		74,32%	73,98	
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa(1152662)	25.548.830.382		25.548.830.382					25.147.749.702		25.147.749.702							98,43%		98,43%		
	Văn phòng Đảng ủy xã Nam Hòa(1153728)	4.244.671.292		4.244.671.292					4.095.610.206		4.095.610.206							96,49%		96,49%		
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Nam Hòa(1153776)	1.882.273.830		1.882.273.830					1.859.153.534		1.859.153.534							98,77%		98,77%		
	Phòng Kinh tế và Nam Hòa(1164908)	4.975.616.579		4.829.616.579		146.000.000		146.000.000	4.687.025.349		4.592.316.695		94.706.654		94.706.654			94,2%		95,09%	64,87%	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa(1164909)	9.833.337.230		8.610.337.230		1.223.000.000		1.223.000.000	9.229.872.355		8.052.488.127		1.177.384.228		1.177.384.228			93,86%		93,52%	96,27%	
	Xây dựng công, hàng rào, sân trạm y tế xã Cây Thi(8019697)	9.649.000				9.649.000			908.000				908.000		908.000			9,41%			9,41%	
	Nâng cấp mở rộng khuôn viên nhà văn hóa xóm Suối Găng xã Cây Thi(8025658)	2.619.000				2.619.000			2.403.899				2.403.899		2.403.899			91,70%			91,70%	
	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa(8050844)	4.293.000.000				4.293.000.000			3.739.307.000				3.739.307.000		3.739.307.000			87,1%			87,1%	
	Xây dựng nhà lớp học, trường THCS Nam Hòa(8063370)	3.447.000.000				3.447.000.000			3.446.260.854				3.446.260.854		3.446.260.854			99,98%			99,98%	



Dự toán 2025	Quyết toán 2025																So sánh				
	Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT	Chi TX							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
Ước học (tổng giao thông từ xóm Hoan xã Cây Thi đi xóm Thịnh Đức 1 xã Vân Hòa)(812667m)	1.363.500.000				1.363.500.000	1.363.500.000		1.219.624.000				1.219.624.000	1.219.624.000					89,45%			89,45%
Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi(8097712)	152.517.302				152.517.302	152.517.302		106.820.640				106.820.640	106.820.640					70,04%			70,04%
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Nam Hoà huyện Đông Hy giai đoạn 2023 - 2033(8106171)	41.376.787	41.376.787						41.376.787	41.376.787									100%	100%		
Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường mầm non Nam Hòa - điểm trường Đông Mội(8120208)	5.965.882.940	5.965.882.940						5.963.789.000	5.963.789.000									99,96%	99,96%		
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cây Thi huyện Đông Hy giai đoạn 2024- 2034(8132661)	23.886.000	23.886.000						23.886.000	23.886.000									100%	100%		
Khắc phục hư hỏng trục đường lên thôn xã Cây Thi(8132779)	604.859.000	604.859.000						604.807.000	604.807.000									99,99%	99,99%		
Đường bê tông xóm Trại Cán xã Cây Thi(8140680)	594.000.000				594.000.000	594.000.000		580.679.000				580.679.000	580.679.000					97,76%			97,76%
Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thi(8140652)	1.000.000.000				1.000.000.000	1.000.000.000		999.529.000				999.529.000	999.529.000					99,95%			99,95%
Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi(8140684)	676.000.000				676.000.000	676.000.000		670.537.000				670.537.000	670.537.000					99,19%			99,19%
Đường bê tông xóm Khe Cán xã Cây Thi(8140683)	676.000.000				676.000.000	676.000.000		675.667.000				675.667.000	675.667.000					99,95%			99,95%
Đường bê tông xóm Mệ Hòu xã Cây Thi(8145099)	242.577.504				242.577.504	242.577.504		242.577.504				242.577.504	242.577.504					100%			100%
Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thi(8145100)	90.729.936				90.729.936	90.729.936		90.729.936				90.729.936	90.729.936					100%			100%
Đường bê tông xóm Trại Cán xã Cây Thi(8145101)	100.735.920				100.735.920	100.735.920		100.735.920				100.735.920	100.735.920					100%			100%
Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường THCS(8154989)	1.700.000.000				1.700.000.000	1.700.000.000		1.459.816.343				1.459.816.343	1.459.816.343					85,87%			85,87%
Nhà lớp học 1 tầng, 4 phòng Trường Mầm non Cây Thi 8164843 (8164843)	381.174.564	381.174.564						381.174.564	381.174.564									100%	100%		
Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Hoan, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn 1 từ đầu đường rẽ đến nhà ông Nguyễn Văn Đăng, 02 đoạn giáp hồ chứa quảng đuôi Mỏ sắt Cây Thi) 8170240(8170240)	650.000.000	650.000.000						409.653.292	409.653.292									63,02%	63,02%		



		Dự toán 2025						Quyết toán 2025										So sánh				
STT	Tên đơn vị	Tổng công Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Huy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Chi Sơn, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hộ ông Nông Văn Quân đến hộ ông Lý Văn Sinh) 8170241(8170241)	400.000.000	400.000.000						397.821.106	397.821.106									99,46%	99,46%		
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Mỹ Hoà, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hộ Lâm Thị Xuân đến hộ Phạm Văn Bấy) 8170242(8170242)	300.000.000	300.000.000						300.000.000	300.000.000									100%	100%		
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Trại Cau, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Trên đoạn đường từ Trường Mầm non Cây Thi - điểm trường Trại Cau đến nhà ông Lai Văn Chức) 8170243(8170243)	150.000.000	150.000.000						150.000.000	150.000.000									100%	100%		
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Na Quân, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn đập cống Na Quân) 8170244(8170244)	225.000.000				225.000.000	225.000.000		214.035.000				214.035.000	214.035.000					95,13%			95,13%
	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan UBND xã Nam Hoà (Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh cơ quan, Cải tạo Nhà mới cửa UBND xã Nam Hoà, Cải tạo Nhà văn hoá Trung tâm và các công trình phụ trợ) 8171296(8171296)	1.300.000.000	1.300.000.000						962.971.587	962.971.587									74,07%	74,07%		
	Khắc phục hư hỏng đường bê tông xóm Cầu Gai (Đoạn từ nhà ông Lý Văn Phúc đến nhà ông Lê Văn Hà), khu vực công Trạm y tế xã Nam Hoà, do ảnh hưởng cơn bão số 11 8172246(8172246)	150.000.000	150.000.000						150.000.000	150.000.000									100%	100%		
II	Dự phòng ngân sách																					
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới																					
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên								8.956.101									8.956.101				
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau								17.099.479.336							17.099.479.336						



**CÔNG KHAI BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ SỰ NGHIỆP ĐƠN VỊ 2025**

(Kèm theo Quyết định số 621 QĐ- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bao dân xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh						Chi giao thông	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	10	11	15	16	18	19	20	21	22=5/1
	<b>Tổng</b>	<b>24.540.507.953</b>	<b>2.113.600.953</b>	<b>3.756.000.000</b>	<b>18.670.907.000</b>	<b>22.935.110.432</b>	<b>11.251.040.761</b>	<b>908.000</b>	<b>2.403.899</b>	<b>10.717.786.185</b>	<b>6.913.216.398</b>	<b>3.804.569.787</b>	<b>962.971.587</b>			<b>93.46%</b>
	<b>Xã Nam Hòa</b>	<b>24.540.507.953</b>	<b>2.113.600.953</b>	<b>3.756.000.000</b>	<b>18.670.907.000</b>	<b>22.935.110.432</b>	<b>11.251.040.761</b>	<b>908.000</b>	<b>2.403.899</b>	<b>10.717.786.185</b>	<b>6.913.216.398</b>	<b>3.804.569.787</b>	<b>962.971.587</b>			<b>93.46%</b>
1	Tổng hợp ngân sách xã	24.540.507.953	2.113.600.953	3.756.000.000	18.670.907.000	22.935.110.432	11.251.040.761	908.000	2.403.899	10.717.786.185	6.913.216.398	3.804.569.787	962.971.587			93.46%
	Xây dựng công, hàng rào, sân tram y tế xã Cây Thu(8019697)	9.649.000	9.649.000			908.000		908.000								9.41%
	Nâng cấp mở rộng khuôn viên nhà văn hóa xóm Suối Giang xã Cây Thu(8025658)	2.619.000	2.619.000			2.403.899			2.403.899							91.79%
	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa(8050844)	4.293.000.000		4.293.000.000	3.739.307.000					3.739.307.000		3.739.307.000				87.1%
	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Nam Hoà(8065370)	3.447.000.000		3.447.000.000	3.446.260.854	3.446.260.854										99.98%
	Công hòa đường giao thông từ xóm Hoan xã Cây Thị đi xóm Thịnh Đức 1 xã Văn Hân(8079670)	1.363.500.000		1.363.500.000	1.219.624.000					1.219.624.000	1.219.624.000					89.45%
	Đường bê tông xóm Suối Giang xã Cây Thu(8097712)	152.517.302	45.696.662		106.820.640	106.820.640				106.820.640	106.820.640					70.04%
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Nam Hoà huyện Đông Hy giai đoạn 2023 - 2033(8106171)	41.376.787	34.250.291	101.000.000	-93.873.504	41.376.787				41.376.787		41.376.787				100%
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường mầm non Nam Hòa - điểm trường Đồng Mô(8120208)	5.965.882.940	1.497.500.000	1.955.000.000	2.513.382.940	5.963.789.000	5.963.789.000									99.96%
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cây Thị huyện Đông Hy giai đoạn 2024-2034(8132661)	23.886.000	23.886.000			23.886.000				23.886.000		23.886.000				100%
	Khắc phục hư hỏng trục đường lên thôn xã Cây Thu(8132779)	604.859.000	500.000.000		104.859.000	604.807.000				604.807.000	604.807.000					99.99%
	Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thu(8140680)	594.000.000			594.000.000	580.679.000				580.679.000	580.679.000					97.76%
	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thu(8140682)	1.000.000.000			1.000.000.000	999.529.000				999.529.000	999.529.000					99.95%
	Đường bê tông xóm Suối Giang xã Cây Thu(8140684)	676.000.000			676.000.000	670.537.000				670.537.000	670.537.000					99.19%
	Đường bê tông xóm Khe Cạn xã Cây Thu(8140685)	676.000.000			676.000.000	675.667.000				675.667.000	675.667.000					99.95%
	Đường bê tông xóm Mỹ Hòa xã Cây Thu(8145099)	242.577.504			242.577.504	242.577.504				242.577.504	242.577.504					100%
	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thu(8145100)	90.729.936			90.729.936	90.729.936				90.729.936	90.729.936					100%
	Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thu(8145101)	100.735.920			100.735.920	100.735.920				100.735.920	100.735.920					100%



STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh						Chi giao thông	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	10	11	15	16	18	19	20	21	22=5/1
	Cải tạo và sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường THCS (8154989)	1.700.000.000		1.700.000.000		1.459.816.343	1.459.816.343									85,87%
	Nhà lớp học 1 tầng, 4 phòng Trường Mầm non Cây Thị 8164843 (8164843)	381.174.564			381.174.564	381.174.564	381.174.564									100%
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Hoan, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn 1 từ đầu đường rẽ đến nhà ông Nguyễn Văn Đăng, 02 đoạn giáp hồ chứa quảng đuôi Mỏ sắt Cây Thị) 8170240(8170240)	650.000.000			650.000.000	409.653.292				409.653.292	409.653.292					63,02%
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Chí Sơn, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hồ ông Nông Văn Quán đến hồ ông Lý Văn Sinh) 8170241(8170241)	400.000.000			400.000.000	397.821.106				397.821.106	397.821.106					99,46%
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Mỹ Hoà, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hồ Lâm Thị Xuân đến hồ Phạm Văn Bảy) 8170242(8170242)	300.000.000			300.000.000	300.000.000				300.000.000	300.000.000					100%
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Trại Cau, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Trên đoạn đường từ Trường Mầm non Cây Thị - điểm trường Trại Cau đến nhà ông Lại Văn Chức) 8170243(8170243)	150.000.000			150.000.000	150.000.000				150.000.000	150.000.000					100%
	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Na Quán, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn đập cống Na Quán) 8170244(8170244)	225.000.000			225.000.000	214.035.000				214.035.000	214.035.000					95,13%
	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan UBND xã Nam Hoà (Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh cơ quan, Cải tạo Nhà một cửa UBND xã Nam Hoà, Cải tạo Nhà văn hoá Trung tâm và các công trình phụ trợ) 8171296(8171296)	1.300.000.000			1.300.000.000	962.971.587							962.971.587			74,07%
	Khắc phục hư hỏng đường bê tông xóm Cầu Gai (Đoạn từ nhà ông Lý Văn Phúc đến nhà ông Lê Văn Hải), khu vực công Trạm y tế xã Nam Hoà, do ảnh hưởng cơn bão số 11 8172246(8172246)	150.000.000			150.000.000	150.000.000				150.000.000	150.000.000					100%



## CÔNG KHAI BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN SỰ NGHIỆP ĐƠN VỊ 2025

(Kèm theo Quyết định số *Q1/QĐ*- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước	Chi bảo đảm xã hội	So sánh (%)
A	B	1=2+3+4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	19	20	22=5-1
	<b>Tổng</b>	112.482.012.775	109.222.898.719	58.582.411.495	125.000.000	1.204.195.233	1.090.656.958	576.283.200	188.698.680		37.994.500	27.000.000	10.993.611.237	31.017.775.816	5.379.271.600	1166,35%
	<b>Xã Nam Hòa</b>	112.482.012.775	109.222.898.719	58.582.411.495	125.000.000	1.204.195.233	1.090.656.958	576.283.200	188.698.680		37.994.500	27.000.000	10.993.611.237	31.017.775.816	5.379.271.600	1166,35%
1	Tổng hợp ngân sách xã	112.482.012.775	109.222.898.719	58.582.411.495	125.000.000	1.204.195.233	1.090.656.958	576.283.200	188.698.680		37.994.500	27.000.000	10.993.611.237	31.017.775.816	5.379.271.600	97,1%
	Trường trung học cơ sở Cây Thị(1037319)	4.434.599.345	4.366.410.191	4.366.410.191												98,46%
	Trường tiểu học Cây Thị(1038072)	8.292.975.388	8.235.563.421	8.235.563.421												99,31%
	Trường tiểu học Số 1 Nam Hòa(1062122)	9.056.986.574	9.027.461.414	9.027.461.414												99,67%
	Trường tiểu học số 2 Nam Hòa(1062184)	7.601.847.115	7.526.700.511	7.526.700.511												99,01%
	Trường THCS Nam Hoà, huyện Đông Hy(1072432)	10.969.654.942	10.905.475.222	10.905.475.222												99,41%
	Trường mầm non cây thị huyện Đông Hy(1103190)	5.579.634.000	5.574.736.976	5.574.736.976												99,91%
	Trường mầm non Nam Hoà huyện Đông Hy(1113009)	10.869.206.098	10.848.706.215	10.848.706.215												99,81%
	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nam Hòa(1152407)	777.630.000	777.625.284											777.625.284		100%
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa(1152665)	8.414.750.000	6.940.810.339	82.275.000				352.555.800	50.000.000				134.290.280	1.224.079.259	5.097.610.000	82,48%
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa(1152667)	25.548.830.382	25.147.749.702		125.000.000	1.204.195.233	1.090.656.958	223.727.400	11.998.680		12.700.000		324.658.748	21.984.412.683	170.400.000	98,43%
	Văn phòng Đảng ủy xã Nam Hòa(1153728)	4.244.671.292	4.095.610.206											4.095.610.206		96,49%
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Nam Hòa(1153776)	1.882.273.830	1.859.153.534											1.859.153.534		98,77%
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa(1164908)	4.975.616.579	4.687.023.349										3.498.866.899	1.076.894.850	111.261.600	94,2%
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa(1164909)	9.833.337.230	9.229.872.355	2.015.082.545					126.700.000		25.294.500	27.000.000	7.035.795.310			93,86%



**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG ĐỊA BÀN 2025**

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị Dự toán	Trong đó Dự toán									Trong đó Quyết toán									Chi nộp trả	So sánh						
		Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG				Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó									
			Chi giao dự toán	Chi khoa học và công nghệ		Chi giao dự toán	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Chi giao dự toán	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8	
	<b>Tổng</b>	137.949.520.728	9.967.179.291	6.347.057.504	111.438.012.775	59.076.758.742	125.000.000	16.544.328.662	14.573.328.662	1.971.000.000	132.166.965.252	9.385.479.336	6.344.963.564	107.505.440.557	58.582.411.495	125.000.000	15.267.089.258	13.549.631.096	1.717.458.162	8.956.101	95.81%	94.16%	96.47%	92.28%			
1	1037319 - Trường trung học cơ sở Cây Thi	4.434.599.345			4.434.599.345	4.434.599.345					4.366.410.191		4.366.410.191	4.366.410.191									98,46%		98,46%		
2	1038072 - Trường tiểu học Cây Thi	8.292.975.388			8.292.975.388	8.292.975.388					8.235.563.421		8.235.563.421	8.235.563.421									99,31%		99,31%		
3	1062122 - Trường tiểu học Số 1 Nam Hòa	9.056.986.574			9.056.986.574	9.056.986.574					9.027.461.414		9.027.461.414	9.027.461.414									99,67%		99,67%		
4	1062184 - Trường tiểu học số 2 Nam Hòa	7.601.847.115			7.601.847.115	7.601.847.115					7.526.700.511		7.526.700.511	7.526.700.511									99,01%		99,01%		
5	1072432 - Trường THCS Nam Hòa, huyện Đông Hy	10.969.654.942			10.969.654.942	10.969.654.942					10.905.475.222		10.905.475.222	10.905.475.222									99,41%		99,41%		
6	1103190 - Trường mầm non cây thi huyện Đông Hy	5.579.634.000			5.579.634.000	5.579.634.000					5.574.736.976		5.574.736.976	5.574.736.976									99,91%		99,91%		
7	1113009 - Trường mầm non Nam Hòa huyện Đông Hy	10.869.206.098			10.869.206.098	10.869.206.098					10.848.706.215		10.848.706.215	10.848.706.215									99,81%		99,81%		
8	1152407 - Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nam Hòa	777.630.000			777.630.000						777.625.284		777.625.284										100%		100%		
9	1152665 - Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa	9.341.750.000			8.739.750.000	87.450.000		602.000.000			6.940.810.339			6.495.443.059	82.275.000		445.367.280		445.367.280					74,3%		74,32%	73,98%
10	1152667 - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa	25.548.830.382			25.548.830.382		125.000.000			25.147.749.702			25.147.749.702		125.000.000									98,43%		98,43%	
11	1153728 - Văn phòng Đảng ủy xã Nam Hòa	4.244.671.292			4.244.671.292					4.095.610.206			4.095.610.206											96,49%		96,49%	
12	1153776 - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Nam Hòa	1.882.273.830			1.882.273.830					1.859.153.534			1.859.153.534											98,77%		98,77%	
13	1164908 - Phòng Kinh tế xã Nam Hòa	4.975.616.579			4.829.616.579		146.000.000			146.000.000	4.687.023.349			4.592.316.695		94.706.654		94.706.654						94,2%		95,09%	64,87%
14	1164909 - Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa	9.833.337.230			8.610.337.230	2.184.405.280		1.223.000.000		1.223.000.000	9.229.872.355			8.052.488.127	2.015.082.545		1.177.384.228		1.177.384.228					93,86%		93,52%	96,27%
15	2805707 - Mã tổ chức ngân sách Xã Nam Hòa										8.956.101									8.956.101							
16	8019697 - Xây dựng công, hàng rào, sân trạm y tế xã Cây Thi	9.649.000					9.649.000			9.649.000	908.000					908.000		908.000						9,41%		9,41%	
17	8022638 - Nâng cấp mở rộng khuôn viên nhà văn hóa xóm Suối Găng xã Cây Thi	2.619.000					2.619.000			2.619.000	2.403.899					2.403.899		2.403.899						91,79%		91,79%	
18	8050844 - Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa	4.293.000.000					4.293.000.000			4.293.000.000	3.739.307.000					3.739.307.000		3.739.307.000						87,1%		87,1%	
19	8065370 - Xây dựng nhà lớp học trường THCS Nam Hòa	3.447.000.000					3.447.000.000			3.447.000.000	3.446.260.854					3.446.260.854		3.446.260.854						99,98%		99,98%	
20	8079670 - Công hòa đường giao thông từ xóm Hoàn xã Cây Thi đi xóm Thanh Đức I xã Văn Hạm	1.363.500.000					1.363.500.000			1.363.500.000	1.219.624.000					1.219.624.000		1.219.624.000						89,45%		89,45%	
21	8097712 - Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi	152.517.302					152.517.302			152.517.302	106.820.640					106.820.640		106.820.640						70,04%		70,04%	
22	8106171 - Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Nam Hòa huyện Đông Hy	41.376.787		41.376.787							41.376.787	41.376.787												100%		100%	
23	8120208 - Nhà lớp học 5 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường mầm non Nam Hòa - điểm trường Đông Mỹ	5.965.882.940		5.965.882.940							5.963.789.000	5.963.789.000	5.963.789.000											99,96%		99,96%	
24	8132661 - Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cây Thi huyện Đông Hy giai đoạn 2014 - 2034	23.886.000		23.886.000							23.886.000	23.886.000												100%		100%	
25	8132779 - Khắc phục hư hỏng trục đường liên thôn xã Cây Thi	604.859.000		604.859.000							604.807.000	604.807.000												99,99%		99,99%	
26	8140680 - Đường bê tông xóm Trại Cầu xã Cây Thi	594.000.000					594.000.000			594.000.000	580.679.000					580.679.000		580.679.000						97,76%		97,76%	
27	8140682 - Đường bê tông xóm Hoàn xã Cây Thi	1.000.000.000					1.000.000.000			1.000.000.000	999.529.000					999.529.000		999.529.000						99,95%		99,95%	

STT	Tên đơn vị	Tổng số Dự toán	Trong đó Dự toán							Trong đó Quyết toán							Chi nộp trả	So sánh						
			Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên			Chi CTMTQG		Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên			Chi CTMTQG		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG			
			Tổng số	Trong đó Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Trong đó Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Trong đó								
						Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên		
A	B	C	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19	20	21	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
28	8140684 - Đường bê tông xóm Sỏi Gai xã Cây Thi	676.000.000						676.000.000	676.000.000		670.537.000						670.537.000	670.537.000			99,19%			99,19%
29	8140685 - Đường bê tông xóm Khe Chai xã Cây Thi	676.000.000						676.000.000	676.000.000		675.667.000						675.667.000	675.667.000			99,95%			99,95%
30	8145099 - Đường bê tông xóm Mỹ Hòa xã Cây Thi	242.577.504						242.577.504	242.577.504		242.577.504						242.577.504	242.577.504			100%			100%
31	8145100 - Đường bê tông xóm Hoàn xã Cây Thi	90.729.936						90.729.936	90.729.936		90.729.936						90.729.936	90.729.936			100%			100%
32	8145101 - Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thi	100.735.920						100.735.920	100.735.920		100.735.920						100.735.920	100.735.920			100%			100%
33	8154089 - Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường THCS	1.700.000.000						1.700.000.000	1.700.000.000		1.459.816.343						1.459.816.343	1.459.816.343			85,87%			85,87%
34	Nhà lớp học 1 tầng, 4 phòng Trường Mầm non Cây Thi 8164843 (8164843)	381.174.564	381.174.564	381.174.564							381.174.564	381.174.564	381.174.564								100%	100%		
35	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Hoàn, do ảnh hưởng con báo số 11 (Đoạn 1 từ đầu đường rẽ đến nhà ông Nguyễn Văn Đăng, 02 đoạn giáp hồ chứa quảng đười Mò sát Cây Thi) 8170240/8170240	650.000.000	650.000.000								409.653.292	409.653.292									63,02%	63,02%		
36	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Chi Sơn, do ảnh hưởng con báo số 11 (Đoạn từ hồ ông Nông Văn Quán đến hồ ông Lý Văn Sinh ) 8170241/8170241	400.000.000	400.000.000								397.821.106	397.821.106									99,46%	99,46%		
37	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Mỹ Hoà, do ảnh hưởng con báo số 11 (Đoạn từ hồ Lâm Thị Xuân đến hồ Phạm Văn Bấy) 8170242/8170242	300.000.000	300.000.000								300.000.000	300.000.000									100%	100%		
38	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Trại Cau, do ảnh hưởng con báo số 11 (Trên đoạn đường từ Trường Mầm non Cây Thi - điểm trường Trại Cau đến nhà ông Lai Văn Chức) 8170243/8170243	150.000.000	150.000.000								150.000.000	150.000.000									100%	100%		
39	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Na Quán, do ảnh hưởng con báo số 11 (Đoạn đáp cống Na Quán) 8170244/8170244	225.000.000						225.000.000	225.000.000		214.035.000						214.035.000	214.035.000			95,13%			95,13%
40	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan UBND xã Nam Hoà (Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh cơ quan, Cải tạo Nhà một cửa UBND xã Nam Hoà, Cải tạo Nhà văn hoá Trưng tâm và các công trình phụ) 81817206/817206	1.300.000.000	1.300.000.000								962.971.587	962.971.587									74,07%	74,07%		
41	Khắc phục hư hỏng đường bê tông xóm Cầu Gai (Đoạn từ nhà ông Lý Văn Phúc đến nhà ông Lê Văn Hải), khu vực cống Tram y tế xã Nam Hoà, do ảnh hưởng con báo số 11 8172245/8172245	150.000.000	150.000.000								150.000.000	150.000.000									100%	100%		



**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI BỘ SÙNG TỬ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)*

*Đơn vị: đồng*

Du toán				Quyết toán												Số sách (%)									
TT	Tên đơn vị (CĐ)	Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
	TỔNG SỐ	155.179.275.302	16.369.000.000	138.810.275.302,0		138.810.275.302	56.055.802.044,0	67.112.473.258,0	15.642.000.000,0	149.266.444.588,00	16.369.000.000,00	132.897.444.588,00	0,00	132.897.444.588,00	26.158.687.631,00	92.093.827.598,00	14.644.929.359,00	96,19%	100,00%	95,74%		95,74%	46,67%	137,22%	93,63%
	Nã Nam Hòa	155.179.275.302	16.369.000.000	138.810.275.302,0		138.810.275.302,0	56.055.802.044,0	67.112.473.258,0	15.642.000.000,0	149.266.444.588,00	16.369.000.000,00	132.897.444.588,00		132.897.444.588,00	26.158.687.631,00	92.093.827.598,00	14.644.929.359,00	96,19%	100,00%	95,74%		95,74%	46,67%	137,22%	93,63%



## CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 61/QĐ- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>157.674.386.963</b>	<b>1.590.934.459</b>	<b>155.179.275.302</b>	<b>0</b>	<b>535.766.837</b>	<b>368.410.365</b>
1	Xã Nam Hòa	157.674.386.963	1.590.934.459	155.179.275.302		535.766.837	368.410.365



**CÔNG KHAI BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI CTMT-QG NHÀ NƯỚC THEO MLNS NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm 2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17	18	19	20
	<b>Tổng số</b>	57.964.662	57.964.662		16.544.328.662	14.573.328.662	1.700.000.000	12.815.364.000	1.971.000.000	1.971.000.000		15.267.089.258	13.549.631.096	1.717.458.162	1.277.239.404	1.023.697.566	253.541.838	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (00470)				776.000.000				776.000.000	776.000.000		576.803.934		576.803.934	199.196.066		199.196.066	
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách trung ương (10473)				379.000.000				379.000.000	379.000.000		341.527.000		341.527.000	37.473.000		37.473.000	
	Xã Nam Hòa				379.000.000				379.000.000	379.000.000		341.527.000		341.527.000	37.473.000		37.473.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				58.000.000				58.000.000	58.000.000		20.667.000		20.667.000	37.333.000		37.333.000	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164909)				321.000.000				321.000.000	321.000.000		320.860.000		320.860.000	140.000		140.000	
1.2	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương (10474)				157.000.000				157.000.000	157.000.000		134.290.280		134.290.280	22.709.720		22.709.720	
	Xã Nam Hòa				157.000.000				157.000.000	157.000.000		134.290.280		134.290.280	22.709.720		22.709.720	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				157.000.000				157.000.000	157.000.000		134.290.280		134.290.280	22.709.720		22.709.720	
1.3	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương (10476)				20.000.000				20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000				
	Xã Nam Hòa				20.000.000				20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000				
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)				20.000.000				20.000.000	20.000.000		20.000.000		20.000.000				
1.4	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10477)				109.000.000				109.000.000	109.000.000		73.528.854		73.528.854	35.471.146		35.471.146	
	Xã Nam Hòa				109.000.000				109.000.000	109.000.000		73.528.854		73.528.854	35.471.146		35.471.146	
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)				109.000.000				109.000.000	109.000.000		73.528.854		73.528.854	35.471.146		35.471.146	
1.5	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20473)				40.000.000				40.000.000	40.000.000		6.280.000		6.280.000	33.720.000		33.720.000	
	Xã Nam Hòa				40.000.000				40.000.000	40.000.000		6.280.000		6.280.000	33.720.000		33.720.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				6.000.000				6.000.000	6.000.000					6.000.000		6.000.000	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164909)				34.000.000				34.000.000	34.000.000		6.280.000		6.280.000	27.720.000		27.720.000	
1.6	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20474)				45.000.000				45.000.000	45.000.000					45.000.000		45.000.000	
	Xã Nam Hòa				45.000.000				45.000.000	45.000.000					45.000.000		45.000.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				45.000.000				45.000.000	45.000.000					45.000.000		45.000.000	
1.7	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20476)				2.000.000				2.000.000	2.000.000		177.800		177.800	1.822.200		1.822.200	
	Xã Nam Hòa				2.000.000				2.000.000	2.000.000		177.800		177.800	1.822.200		1.822.200	
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)				2.000.000				2.000.000	2.000.000		177.800		177.800	1.822.200		1.822.200	
1.8	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20477)				12.000.000				12.000.000	12.000.000					12.000.000		12.000.000	
	Xã Nam Hòa				12.000.000				12.000.000	12.000.000					12.000.000		12.000.000	
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)				12.000.000				12.000.000	12.000.000					12.000.000		12.000.000	
1.9	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn NS cấp xã (40473)				7.000.000				7.000.000	7.000.000					7.000.000		7.000.000	
	Xã Nam Hòa				7.000.000				7.000.000	7.000.000					7.000.000		7.000.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				1.000.000				1.000.000	1.000.000					1.000.000		1.000.000	



STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm 2025	Chia ra					Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm								Bổ sung trong năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17	18	19	20		
				6.000.000				6.000.000	6.000.000					6.000.000		6.000.000		
1.10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164999)			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp xã (40474)			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
	Xã Nam Hòa			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
1.11	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp xã (40476)			1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000					
	Xã Nam Hòa			1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000					
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)			1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000					
1.12	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp xã (40477)			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
	Xã Nam Hòa			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
	Phòng Kinh tế xã Nam Hòa (1164908)			2.000.000				2.000.000	2.000.000					2.000.000		2.000.000		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)	9.649.000	9.649.000	11.963.513.000	11.809.513.000	1.700.000.000	10.099.864.000	154.000.000	154.000.000		11.135.399.197	10.981.399.197	154.000.000	828.113.803	828.113.803			
2.1	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)	9.649.000	9.649.000	6.045.649.000	6.045.649.000	1.700.000.000	4.336.000.000				5.783.403.343	5.783.403.343		262.245.657	262.245.657			
	Xã Nam Hòa	9.649.000	9.649.000	6.045.649.000	6.045.649.000	1.700.000.000	4.336.000.000				5.783.403.343	5.783.403.343		262.245.657	262.245.657			
	Xây dựng công, hàng rào, sân trạm y tế xã Cây Thị (8019697)	9.649.000	9.649.000	9.649.000	9.649.000						908.000	908.000		8.741.000	8.741.000			
	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Nam Hoà (8065370)			2.948.000.000	2.948.000.000		2.948.000.000				2.948.000.000	2.948.000.000						
	Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thị (8140680)			594.000.000	594.000.000		594.000.000				580.679.000	580.679.000		13.321.000	13.321.000			
	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thị (8140682)			654.000.000	654.000.000		654.000.000				654.000.000	654.000.000						
	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường THCS (8154989)			1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000					1.459.816.343	1.459.816.343		240.183.657	240.183.657			
	8170244 (8170244)			140.000.000	140.000.000		140.000.000				140.000.000	140.000.000						
2.2	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn vốn ngân sách trung ương (10496)			154.000.000				154.000.000	154.000.000		154.000.000		154.000.000					
	Xã Nam Hòa			154.000.000				154.000.000	154.000.000		154.000.000		154.000.000					
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)			154.000.000				154.000.000	154.000.000		154.000.000		154.000.000					
2.3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)			5.763.864.000	5.763.864.000		5.763.864.000				5.197.995.854	5.197.995.854		565.868.146	565.868.146			
	Xã Nam Hòa			5.763.864.000	5.763.864.000		5.763.864.000				5.197.995.854	5.197.995.854		565.868.146	565.868.146			
	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa (8050844)			4.293.000.000	4.293.000.000		4.293.000.000				3.739.307.000	3.739.307.000		553.693.000	553.693.000			
	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Nam Hoà (8065370)			499.000.000	499.000.000		499.000.000				498.260.854	498.260.854		739.146	739.146			
	Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thị (8097712)			106.820.640	106.820.640		106.820.640				106.820.640	106.820.640						
	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thị (8140682)			346.000.000	346.000.000		346.000.000				345.529.000	345.529.000		471.000	471.000			
	Đường bê tông xóm Mỹ Hòa xã Cây Thị (8145099)			242.577.504	242.577.504		242.577.504				242.577.504	242.577.504						
	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thị (8145100)			90.729.936	90.729.936		90.729.936				90.729.936	90.729.936						
	Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thị (8145101)			100.735.920	100.735.920		100.735.920				100.735.920	100.735.920						
	8170244 (8170244)			85.000.000	85.000.000		85.000.000				74.035.000	74.035.000		10.965.000	10.965.000			



STT	Chi Hiệu	Kinh phí năm trước chuyên sang	Chia ra		Dự toán năm 2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyên sang năm sau	Trong đó		Ghi chú	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3		48.315.662	48.315.662		3.804.815.662	2.763.815.662	2.715.500.000	1.041.000.000	1.041.000.000		3.554.886.127	2.568.231.899	986.654.228	249.929.535	195.583.763	54.345.772			
3.1		48.315.662	48.315.662		1.956.315.662	1.206.315.662	1.158.000.000	750.000.000	750.000.000		1.904.940.127	1.154.940.899	749.999.228	51.375.535	51.374.763	772			
	Xã Nam Hòa	48.315.662	48.315.662		1.956.315.662	1.206.315.662	1.158.000.000	750.000.000	750.000.000		1.904.940.127	1.154.940.899	749.999.228	51.375.535	51.374.763	772			
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164909)				750.000.000			750.000.000	750.000.000		749.999.228		749.999.228	772		772			
	Nâng cấp mở rộng khuôn viên nhà văn hóa xóm Suối Găng xã Cây Thi (8025658)	2.619.000	2.619.000		2.619.000	2.619.000					2.403.899	2.403.899		215.101	215.101				
	Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi (8097712)	45.696.662	45.696.662		45.696.662	45.696.662								45.696.662	45.696.662				
	Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi (8140684)				676.000.000	676.000.000		676.000.000			670.537.000	670.537.000		5.463.000	5.463.000				
	Đường bê tông xóm Khe Cạn xã Cây Thi (8140685)				482.000.000	482.000.000		482.000.000			482.000.000	482.000.000							
3.2					41.000.000			41.000.000	41.000.000		41.000.000		41.000.000						
	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nguồn vốn NSTW (10517)				41.000.000			41.000.000	41.000.000		41.000.000		41.000.000						
	Xã Nam Hòa				41.000.000			41.000.000	41.000.000		41.000.000		41.000.000						
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				41.000.000			41.000.000	41.000.000		41.000.000		41.000.000						
3.3					12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em nguồn vốn NSTW (10518)				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Xã Nam Hòa				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
3.4					12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn nguồn vốn NSTW (10519)				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Xã Nam Hòa				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				12.000.000			12.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000						
3.5					90.000.000			90.000.000	90.000.000		61.410.000		61.410.000	28.590.000	28.590.000				
	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình nguồn vốn NSTW (10521)				90.000.000			90.000.000	90.000.000		61.410.000		61.410.000	28.590.000	28.590.000				
	Xã Nam Hòa				90.000.000			90.000.000	90.000.000		61.410.000		61.410.000	28.590.000	28.590.000				
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				90.000.000			90.000.000	90.000.000		61.410.000		61.410.000	28.590.000	28.590.000				
3.6					1.567.500.000	1.492.500.000	1.492.500.000	75.000.000	75.000.000		1.423.624.000	1.348.624.000	75.000.000	143.876.000	143.876.000				
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20514)				1.567.500.000	1.492.500.000	1.492.500.000	75.000.000	75.000.000		1.423.624.000	1.348.624.000	75.000.000	143.876.000	143.876.000				
	Xã Nam Hòa				1.567.500.000	1.492.500.000	1.492.500.000	75.000.000	75.000.000		1.423.624.000	1.348.624.000	75.000.000	143.876.000	143.876.000				
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164909)				75.000.000			75.000.000	75.000.000		75.000.000		75.000.000						
	Cứng hóa đường giao thông từ xóm Hoan xã Cây Thi đi xóm Thịnh Đức 1 xã Văn Hán (8079670)				1.363.500.000	1.363.500.000		1.363.500.000			1.219.624.000	1.219.624.000		143.876.000	143.876.000				
	Đường bê tông xóm Khe Cạn xã Cây Thi (8140685)				129.000.000	129.000.000		129.000.000			129.000.000	129.000.000							
3.7					5.000.000			5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000						
	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20517)				5.000.000			5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000						
	Xã Nam Hòa				5.000.000			5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000						



STT	Kinh phí năm trước chuyên sang	Chia ra		Dự toán năm 2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyên sang năm sau	trong đó		Ghi chú	
		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
					Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17	18	19	20
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				5.000.000				5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000				
3.8	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20518)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Xã Nam Hòa				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
3.9	Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn nguồn vốn NS cấp tỉnh (20519)				1.000.000				1.000.000	1.000.000					1.000.000		1.000.000	
	Xã Nam Hòa				1.000.000				1.000.000	1.000.000					1.000.000		1.000.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				1.000.000				1.000.000	1.000.000					1.000.000		1.000.000	
3.10	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20521)				9.000.000				9.000.000	9.000.000					9.000.000		9.000.000	
	Xã Nam Hòa				9.000.000				9.000.000	9.000.000					9.000.000		9.000.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				9.000.000				9.000.000	9.000.000					9.000.000		9.000.000	
3.11	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc nguồn vốn NS cấp xã (40514)				102.000.000	65.000.000		65.000.000	37.000.000	37.000.000		89.912.000	64.667.000	25.245.000	12.088.000	333.000	11.755.000	
	Xã Nam Hòa				102.000.000	65.000.000		65.000.000	37.000.000	37.000.000		89.912.000	64.667.000	25.245.000	12.088.000	333.000	11.755.000	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Nam Hòa (1164909)				37.000.000				37.000.000	37.000.000		25.245.000		25.245.000	11.755.000		11.755.000	
	Đường bê tông xóm Khe Cạn xã Cây Thị (8140685)				65.000.000	65.000.000		65.000.000				64.667.000	64.667.000		333.000	333.000		
3.12	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nguồn vốn NS cấp xã (40517)				2.000.000				2.000.000	2.000.000		2.000.000		2.000.000				
	Xã Nam Hòa				2.000.000				2.000.000	2.000.000		2.000.000		2.000.000				
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				2.000.000				2.000.000	2.000.000		2.000.000		2.000.000				
3.13	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em nguồn vốn NS cấp xã (40518)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Xã Nam Hòa				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
3.14	Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn nguồn vốn NS cấp xã (40519)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Xã Nam Hòa				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				1.000.000				1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000				
3.15	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình nguồn vốn NS cấp xã (40521)				4.000.000				4.000.000	4.000.000					4.000.000		4.000.000	
	Xã Nam Hòa				4.000.000				4.000.000	4.000.000					4.000.000		4.000.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Hòa (1152665)				4.000.000				4.000.000	4.000.000					4.000.000		4.000.000	



**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dự án	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)				
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn							Tổng số	Chia theo nguồn vốn							Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
			Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP	Trong đó				Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP	Trong đó				Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP
							Tập trung	Đất và các nguồn vốn khác	Xổ số						Tập trung	Đất	Xổ số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5		
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17=9/1</b>	<b>18=10/2</b>	<b>19=11/3</b>	<b>20=12/4</b>	<b>21=13/5</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>	20.913.680.352		2.318.137.061		18.595.543.291		18.595.543.291		18.284.633.023		2.287.866.833		15.996.766.190		15.996.766.190		87%	99%	86%		
*	<b>CHI ĐẦU TƯ HỖ TRỢ VỐN CHO CÁC DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH</b>																	0%	0%	0%		
**	<b>CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN THEO LĨNH VỰC</b>	20.913.680.352		2.318.137.061		18.595.543.291		18.595.543.291		18.284.633.023		2.287.866.833		15.996.766.190		15.996.766.190		87%	99%	86%		
I	<b>Chỉ giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	6.846.057.504				6.846.057.504		6.846.057.504		6.843.224.418				6.843.224.418		6.843.224.418		100%	0%	100%		
11	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và công trình phụ trợ trường mầm non Nam Hòa - điểm trường Đông Mỏ	5.965.882.940				5.965.882.940		5.965.882.940		5.963.789.000				5.963.789.000		5.963.789.000		100%	0%	100%		
12	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng và các công trình phụ trợ trường Mầm non Cây Thi xã Nam Hòa	381.174.564				381.174.564		381.174.564		381.174.564				381.174.564		381.174.564		100%	0%	100%		
13	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Nam Hòa	499.000.000				499.000.000		499.000.000		498.260.854				498.260.854		498.260.854		100%	0%	100%		
II	<b>Chỉ khoa học và công nghệ</b>																	0%	0%	0%		
III	<b>Chỉ quốc phòng</b>																	0%	0%	0%		
IV	<b>Chỉ an ninh và trật tự an toàn xã hội</b>																	0%	0%	0%		
V	<b>Chỉ y tế dân số và gia đình</b>																	0%	0%	0%		
VI	<b>Chỉ văn hóa thông tin</b>																	0%	0%	0%		
VII	<b>Chỉ phát thanh truyền hình thông tin</b>																	0%	0%	0%		
VIII	<b>Chỉ thể dục thể thao</b>																	0%	0%	0%		
IX	<b>Chỉ bảo vệ môi trường</b>																	0%	0%	0%		
XI	<b>Chỉ các hoạt động kinh tế</b>	7.102.360.061		2.318.137.061		4.784.223.000		4.784.223.000		6.673.867.231		2.287.866.833		4.386.000.398		4.386.000.398		94%	99%	92%		
1	Khắc phục hư hỏng trục đường liên thôn xã Cây Thi	2.494.859.000		1.890.000.000		604.859.000		604.859.000		2.494.023.200		1.889.216.200		604.807.000		604.807.000		100%	100%	100%		
2	Đường bê tông xóm Khe Can	286.075.967		92.075.967		194.000.000		194.000.000		285.742.633		92.075.633		193.667.000		193.667.000		100%	100%	100%		
3	Cứng hóa đường giao thông từ xóm Hoan xã Cây Thi đi xóm Thịnh Đức 1 xã Văn Hán	1.428.393.291		64.893.291		1.363.500.000		1.363.500.000		1.284.517.291		64.893.291		1.219.624.000		1.219.624.000		90%	100%	89%		
4	Đường bê tông xóm Suối Găng xã Cây Thi	284.152.096		177.331.456		106.820.640		106.820.640		284.152.096		177.331.456		106.820.640		106.820.640		100%	100%	100%		
5	Đường bê tông xóm Hoan xã Cây Thi	140.259.704		49.529.768		90.729.936		90.729.936		140.259.704		49.529.768		90.729.936		90.729.936		100%	100%	100%		
6	Đường bê tông xóm Trại Cau xã Cây Thi	118.239.742		17.503.822		100.735.920		100.735.920		104.809.640		4.073.720		100.735.920		100.735.920		89%	23%	100%		
7	Đường bê tông xóm Mỹ Hòa xã Cây Thi	242.577.504				242.577.504		242.577.504		242.577.504				242.577.504		242.577.504		100%	0%	100%		
8	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Na Quan, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn đáp ứng Na Quán)	111.802.757		26.802.757		85.000.000		85.000.000		84.781.765		10.746.765		74.035.000		74.035.000		76%	40%	87%		
9	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Mỹ Hòa, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hồ Lâm Thi Xuân đến hồ Phạm Văn Bảy)	300.000.000				300.000.000		300.000.000		300.000.000				300.000.000		300.000.000		100%	0%	100%		
10	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Hoan, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn 1 từ đầu đường rẽ đến nhà ông Nguyễn Văn Đàng, 02 đoạn giáp hồ chứa quặng dưới Mỏ sắt Cây Thi)	650.000.000				650.000.000		650.000.000		409.653.292				409.653.292		409.653.292		63%	0%	63%		
11	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Trại Cau, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Trên đoạn đường từ Trường Mầm non Cây Thi - Điểm trường Trại Cau đến nhà ông Lai Văn Chúc)	150.000.000				150.000.000		150.000.000		150.000.000				150.000.000		150.000.000		100%	0%	100%		
12	Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Chi Sơn, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hồ nông Văn Quán đến hồ ông Lý Văn Sinh)	400.000.000				400.000.000		400.000.000		397.821.106				397.821.106		397.821.106		99%	0%	99%		



STT	Dự toán	Quyết toán																So sánh (%)				
		Chia theo nguồn vốn								Chia theo nguồn vốn								Chia theo nguồn vốn				
		Tổng số	Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP	Trong đó			Tổng số	Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP	Trong đó			Tổng số	Ngoài nước	NSTW	Trái phiếu	NSDP
							Tập trung	Đất và các nguồn vốn khác	Xổ số						Tập trung	Đất	Xổ số					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5
13	Khắc phục hư hỏng đường bê tông sôn Cầu Gai (Đoạn từ nhà ông Lý Văn Phúc đến nhà ông Lê Văn Hai), khu vực công Trám y tế xã Nam Hòa, do ảnh hưởng cơn bão số 11.	150.000.000				150.000.000		150.000.000		150.000.000				150.000.000		150.000.000		100%		0%		100%
14	Dương bê tông sôn Hoàn xã Cây Thi	346.000.000				346.000.000		346.000.000		345.529.000				345.529.000		345.529.000		100%		0%		100%
<b>XII</b>	<b>Cấp, thoát nước</b>	<b>5.600.000.000</b>				<b>5.600.000.000</b>		<b>5.600.000.000</b>		<b>3.739.307.000</b>				<b>3.739.307.000</b>		<b>3.739.307.000</b>		<b>67%</b>		<b>0%</b>		<b>67%</b>
	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa	5.600.000.000				5.600.000.000		5.600.000.000		3.739.307.000				3.739.307.000		3.739.307.000		<b>67%</b>		<b>0%</b>		<b>67%</b>
XIII	<b>Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn</b>	65.262.787				65.262.787		65.262.787		65.262.787				65.262.787		65.262.787		<b>100%</b>		<b>0%</b>		<b>100%</b>
	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Hòa, huyện Đông Hy, giai đoạn 2023-2033	41.376.787				41.376.787		41.376.787		41.376.787				41.376.787		41.376.787		100%		0%		100%
	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Cây Thi, huyện Đông Hy, giai đoạn 2023-2033	23.886.000				23.886.000		23.886.000		23.886.000				23.886.000		23.886.000		100%		0%		100%
<b>XII</b>	<b>Chi các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>	<b>1.300.000.000</b>				<b>1.300.000.000</b>		<b>1.300.000.000</b>		<b>962.971.587</b>				<b>962.971.587</b>		<b>962.971.587</b>		<b>74%</b>		<b>0%</b>		<b>74%</b>
XII.1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan UBND xã Nam Hòa (Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh cơ quan, Cải tạo nhà một cửa UBND xã Nam Hòa, Cải tạo nhà văn hóa trung tâm và các công trình phụ trợ)	1.300.000.000				1.300.000.000		1.300.000.000		962.971.587				962.971.587		962.971.587		74%		0%		74%



## CÔNG KHAI TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Đơn vị: đồng

T T	Tên Quỹ	Dự nguồn đến ngày 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Dự nguồn đến 31/12/2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	55.661.300	55.661.300		0	55.661.300	0		0	0	55.661.300
2	Quỹ vì trẻ em	58.799.300	58.799.300		0	58.799.300	0		0	0	58.799.300
3	Quỹ vì người nghèo	121.323.280	121.323.280		0	121.323.280	0		0	0	121.323.280
4	Quỹ da cam	753.000	753.000		0	753.000	0		0	0	753.000
5	Quỹ khuyến học	24.871.580	24.871.580		0	24.871.580	0		0	0	24.871.580
6	Quỹ chữ thập đỏ	49.228.200	49.228.200		0	49.228.200	0		0	0	49.228.200
7	Quỹ người cao tuổi	22.529.400	22.529.400		0	22.529.400	0		0	0	22.529.400
8	Quỹ khen thưởng nông thôn mới	278.608.000	278.608.000		0	278.608.000	0		0	0	278.608.000
9	Quỹ tiền gửi khác	190.510	190.510		0	190.510	0		0	0	190.510
10	Quỹ phòng chống thiên tai	12.970.000	76.264.000		48.115.440	28.174.929	63.294.000		48.115.440		28.174.929
	<b>Tổng số</b>	<b>624.934.570</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48.115.440</b>	<b>640.139.499</b>	<b>63.294.000</b>	<b>0</b>	<b>48.115.440</b>	<b>0</b>	<b>640.139.499</b>



**CÔNG KHAI TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025  
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

*(Kèm theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam*

*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.408.935.000</b>	<b>1.408.935.000</b>	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.408.935.000	1.408.935.000	100,00%
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	<i>1.408.935.000</i>	<i>1.408.935.000</i>	100,00%
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
	.....			



## THUYẾT MINH

### Công khai Quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Nam Hòa)

Năm 2025 là năm có nhiều thay đổi lớn trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 và Luật Ngân sách nhà nước 2025. Trong bối cảnh đó, việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách vừa có những thuận lợi nhất định, vừa phát sinh nhiều khó khăn, thách thức cần được đánh giá toàn diện để có giải pháp điều hành ngân sách hiệu quả trong thời gian tới.

Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã tạo ra những thay đổi tích cực trong công tác quản lý ngân sách ở cấp xã. Trước hết, việc tinh gọn bộ máy hành chính đã giúp giảm bớt một số khâu trung gian trong quá trình quản lý và điều hành ngân sách. Khi cấp huyện không còn thực hiện chức năng quản lý ngân sách, nhiều nhiệm vụ tài chính - ngân sách được chuyển trực tiếp về cấp xã, qua đó rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở trong việc quản lý và sử dụng ngân sách. Bên cạnh đó, mô hình tổ chức mới đã góp phần tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc quyết định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Điều này tạo điều kiện để địa phương chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch tài chính, điều hành thu chi ngân sách phù hợp với thực tiễn của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Năm 2025 là năm đầu tiên triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của pháp luật, do đó công tác quản lý ngân sách tại xã Nam Hòa phải đối mặt với nhiều thay đổi và thách thức mới. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, sự hướng dẫn của Sở Tài chính và sự nỗ lực của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, công tác thu, chi ngân sách năm 2025 của xã Nam Hòa cơ bản đã được thực hiện đúng quy định, bảo đảm các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và các chính sách an sinh xã hội.

**1. Tổng thu ngân sách xã:** 157.674.386.963 đồng, bao gồm:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 1.590.934.459 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 155.179.275.302 đồng



- Thu kết dư: 368.410.365 đồng

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 535.766.837 đồng

**2. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025:** giao 37.636 triệu đồng thu được 53.528 triệu đồng đạt 142% dự toán giao, trong đó:

*\* Một số khoản thu đạt và vượt dự toán giao như:*

+ Thu từ khu vực do địa phương quản lý đạt 96 triệu đồng, chỉ tiêu thu này không được giao trong dự toán, chỉ tiêu này thu phát sinh của một số đơn vị trên địa bàn phát sinh mua hóa đơn lẻ..

+ Thu thuế Ngoài quốc doanh: Thực hiện được 33.746 triệu đồng đạt 121% dự toán được giao cả năm. Thu từ thuế NQD đạt tỷ lệ cao hơn mức bình quân chung là do tập trung đôn đốc thu hồi nợ thuế và các đơn vị thực hiện nộp vào NSNN đối với các khoản thuế đã hết thời gian gia hạn. Đồng thời các hộ kinh doanh chấp hành tốt việc thu nộp các khoản thuế phát sinh.

+ Thu thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện được 5.067 triệu đồng đạt 465% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này phát sinh số thu cao do số đối tượng kê khai đến hạn mức phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

+ Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện được 4.907 triệu đồng đạt 191% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này thu từ lệ phí trước bạ nhà đất và phương tiện vận tải do giao dịch mua bán bất động sản, nhu cầu mua sắm ô tô, xe máy của người dân.

+ Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện được 6.353 triệu đồng đạt 430% dự toán được giao cả năm. Tỷ lệ thu tiền sử dụng đất đạt cao hơn mức bình quân chung hàng năm, là do tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo, đôn đốc thu tiền sử dụng đất của các hộ chuyên mục đích đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2025.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện được 56 triệu đồng đạt 137% dự toán giao, chỉ tiêu này thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân theo số lập bộ phải thu hàng năm và truy thu thuế sử dụng đất PNN của hộ gia đình, cá nhân thông qua giải quyết hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính.

*\* Một số khoản thu chưa đạt dự toán giao:*

+ Thu phí, lệ phí: Thực hiện được 974 triệu đồng đạt 68% dự toán được giao cả năm. do một số chính sách thay đổi được miễn, giảm dẫn đến số thu phí, lệ phí giảm so với dự toán được giao.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện được 237 triệu đồng đạt 83% dự toán được giao cả năm.



+ Thu khác ngân sách: Thực hiện được 1.897 triệu đồng đạt 92% dự toán được giao cả năm. Chỉ tiêu này không đạt chủ yếu do thu từ tiền phạt, thu khác... không tính toán loại trừ các yếu tố đột biến nên chưa xây dựng sát với tình hình thực tế trên địa bàn

### **3. Quyết toán chi ngân sách:**

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 149.266 triệu đồng, kết quả cụ thể như sau:

#### **3.1. Chi cân đối ngân sách:**

- Chi đầu tư phát triển thực hiện 22.935 triệu đồng đạt 86 % dự toán giao. Nguồn đầu tư từ thu tiền cấp quyền sử dụng đất, nguồn bổ sung của tỉnh, nguồn vốn khác.
- Chi thường xuyên thực hiện 109.222 triệu đồng bằng 122 % so với dự toán giao.

*Cụ thể như sau:*

- + Chi quốc phòng thực hiện 1.204 triệu đồng đạt 100% dự toán năm.
- + Chi an ninh thực hiện 1.090 triệu đồng đạt 100% dự toán năm.
- + Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: thực hiện 58.582 triệu đồng đạt 102% so với dự toán năm.
- + Chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: thực hiện 125 triệu đồng đạt 64% so với dự toán năm.
- + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: thực hiện 576 triệu đồng đạt 96% dự toán năm.
- + Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin: thực hiện 188 triệu đồng đạt 104 % dự toán năm.
- + Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: thực hiện 37,9 triệu đồng đạt 31% dự toán năm. Nguyên nhân không đạt dự toán do đã hết nhiệm vụ chi vì một số nhiệm vụ do cấp huyện chuyển về năm 2025 chưa phát sinh tại cấp xã.
- + Chi các hoạt động kinh tế (bao gồm cả SN môi trường): thực hiện 11.020 triệu đồng đạt 279% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân tăng là do bổ sung chi an toàn giao thông tỉnh cấp, chi hỗ trợ thiệt hại cây trồng, vật nuôi do thiên tai, dịch bệnh tình cấp...
- + Chi quản lý hành chính: thực hiện 31.017 triệu đồng đạt 162% so với dự toán HĐND xã giao, nguyên nhân tăng do có thêm nguồn bổ sung có mục tiêu từ tỉnh như: kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; kinh phí



cho các địa phương thực hiện đảm bảo cơ sở, vật chất khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, kinh phí bổ sung cho các địa phương để thực hiện tổ chức các hoạt động Tết Trung thu ...

+ Chi đảm bảo xã hội: thực hiện: 5.379 triệu đồng đạt 142% dự toán năm, nguyên nhân tăng là do: kinh phí thực hiện tặng quà cho nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9; kinh phí thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.

### **3.2. Chi các chương trình mục tiêu:**

Tổng số chi: 15.267 triệu đồng đạt 92,28% dự toán giao, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện 11.135 triệu đồng đạt 93% dự toán giao.

+ Vốn sự nghiệp: chi 154 triệu đồng đạt 100% dự toán giao

+ Vốn đầu tư: Chi 10.981 triệu đồng, đạt 92,99% so với dự toán giao

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện 576,8 triệu đồng đạt 74,33% dự toán giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện 3.554,8 triệu đồng đạt 9.64 % dự toán giao.

+ Vốn sự nghiệp: chi 986 triệu đồng đạt 94,78% dự toán giao

+ Vốn đầu tư: chi 2.568 triệu đồng, đạt 92,92% so với dự toán giao

### **3.3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau**

Tổng chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2025 sang năm 2026 là 17.099 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công là: 2.518,9 triệu đồng.

- Kinh phí Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương là 151 triệu đồng; nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội là 2.280,6 triệu đồng

- Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán là: 1.575,6 triệu đồng

- Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật ngân sách nhà nước,



trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện là: 10.322 triệu đồng.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau: 251,1 triệu đồng, trong đó: vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 251,1 triệu đồng

**3.4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên:** 8,9 triệu đồng do hết nhiệm vụ chi.

#### **4. Thuyết minh chi từ nguồn dự phòng ngân sách**

Dự toán năm 2025 được HĐND xã giao nguồn dự phòng là 1.852 triệu đồng, đã phân bổ thực hiện chi một số nhiệm vụ sau:

- Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Hoan, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn 1 từ đầu đường rẽ đến nhà ông Nguyễn Văn Đăng; 02 đoạn giáp hồ chứa quặng đuôi Mỏ sắt Cây Thị): 650 triệu đồng

- Khắc phục hư hỏng đường giao thông xóm Chí Sơn, do ảnh hưởng cơn bão số 11 (Đoạn từ hộ ông Nông Văn Quân đến hộ ông Lý Văn Sinh): 400 triệu đồng.

- Chi nhiệm vụ khắc phục bão lũ: Mua vật tư, nhiên liệu (xăng, dầu, vật tư khác...), thuê xúc đất các điểm sạt lở (hoặc có nguy cơ sạt lở) để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra trên địa bàn xã Nam Hòa: 160 triệu đồng; Mua rọ đá kè các vị trí sạt lở đường giao thông: 160 triệu đồng; Thuê xúc đất các điểm sạt lở (hoặc có nguy cơ sạt lở) để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra trên địa bàn xã Nam Hòa; 45 triệu đồng

- Khắc phục hư hỏng nhà vệ sinh và công trình phụ trợ trường Tiểu học Cây Thị - Điểm Khe Cạn, do ảnh hưởng cơn bão số 11: 322 triệu đồng (*Phương án điều hành ngân sách*)

**5. Kết dư ngân sách năm 2025:** 8.407.942.375 đồng

Trên đây là thuyết minh công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2025 của xã Nam Hòa.